

## TRẬT TỰ TỪ VÀ VIỆC NHẬN DIỆN MỘT SỐ CẤU TRÚC NGOẠI ĐỘNG TRONG TIẾNG VIỆT

LÊ KÍNH THĂNG\*

1. Từ góc độ loại hình học, phạm trù nội/ ngoại động (NĐ/ NgĐ) thường có thể được nhận diện từ các tiêu chí hình thái học và trật tự từ. Cả hai hướng tiếp cận này đều có thể cung cấp những cơ sở khoa học cho việc xác định phạm trù NĐ/ NgĐ trong các ngôn ngữ. Tuy nhiên, giá trị của các hướng tiếp cận trên đối với các nhóm, các ngôn ngữ cụ thể lại khác nhau. Với các ngôn ngữ biến hình hoặc chấp dính, tiêu chí hình thái tỏ ra có giá trị cao trong khi đó với các ngôn ngữ đơn lập, tiêu chí này gần như không có giá trị – dấu hiệu nhận diện phạm trù NĐ/ NgĐ nếu có, chỉ là những chỉ tố đứng trước và sau vị từ (VT) chứ không phải là các hình vị gắn chặt với chúng (các tiếp tố – affixes). Tương tự, những tiêu chí thuộc về loại hình học trật tự từ tỏ ra có vai trò quan trọng đối với các ngôn ngữ đơn lập nhưng lại tỏ ra không quan yếu đối với các ngôn ngữ biến hình tiêu biểu. Cho dù mức độ vận dụng các tiêu chí có thể khác nhau nhưng hầu như ngôn ngữ nào cũng cần đến các tiêu chí này: “Có một tập hợp các phương tiện hình thức mà các ngôn ngữ sử dụng để phân biệt các thành phần chức năng (trong câu) bao gồm các yếu tố đánh dấu đoạn tính (segmental markers), trật tự tuyến tính (linear order) và trọng âm (stress). Trong đó yếu tố đánh dấu đoạn tính có thể gắn với danh từ (thường được gọi là yếu tố đánh dấu cách – case markers) hoặc gắn với VT (thường được gọi là yếu tố đánh dấu sự phù ứng/ hoà hợp của VT – verb agreement markers)” [7, 251]. Cho đến nay đã có khá nhiều công trình tìm hiểu về sự đánh dấu cách trên các ngữ đoạn chức năng trong câu (bổ ngữ, chủ ngữ) và những dấu hiệu phù ứng ở VT (chẳng hạn, các công trình của E.A. Moravcsik (1978a), (1978b), P.J. Hopper - S.A. Thompson (1980), S.R. Anderson (1985), A.D. Andrews (1985)). Một số công trình khác tập trung vào việc tìm hiểu trật tự các thành tố trong câu (chẳng hạn các công trình của J.H. Greenberg (1963), (1966), A.D. Andrews (1985), S. Steel (1978)). Kết quả nghiên cứu của các công trình này đã trực tiếp hoặc gián tiếp nêu ra những tiêu

---

\* ThS, Trường CĐSP Đồng Nai

chỉ khách quan trong việc xác định phạm trù NĐ/ NgĐ trong các ngôn ngữ thuộc các loại hình khác nhau trên thế giới.

## 2. Một số cấu trúc liên quan tới việc xác định phạm trù NĐ/ NgĐ trong tiếng Việt

Theo cách phân loại loại hình hình thái học thì tiếng Việt thuộc về ngôn ngữ đơn lập gần đạt mức lí tưởng (nghĩa là mỗi từ chứa chỉ một hình vị). Vì vậy việc dựa vào những dấu hiệu hình thái gắn với từ (kể cả những tiểu từ chuyên dụng kiểu ‘ül’, ‘rül’ trong tiếng Hàn - đứng ngay sau bổ ngữ trực tiếp để đánh dấu thành phần chức năng này) là không thể có đối với tiếng Việt, ít nhất là tiếng Việt hiện đại<sup>1</sup>.

Giống như phần lớn ngôn ngữ đơn lập khác, tiếng Việt không có những phương tiện hình thái để đánh dấu các thành tố chức năng, do đó, việc xác định phạm trù NĐ/ NgĐ chỉ có thể dựa vào hai tiêu chí thuộc về loại hình: (i) trật tự từ, và (ii) sự có mặt hoặc vắng mặt giới từ.

Như vậy, trong tiếng Việt, phạm trù NĐ/ NgĐ xét từ góc độ loại hình học không gây tranh cãi ở việc dùng những tiêu chí cụ thể gì – vì những tiêu chí được nêu ra thường không khác gì với những tiêu chí thường được nhắc đến lâu nay; vấn đề cần lưu ý chính lại ở chỗ giải quyết như thế nào một số trường hợp cụ thể. Liên quan đến tiêu chí trật tự từ, trong tiếng Việt, có những vấn đề cần giải quyết như sau.

(1) VT tồn tại là VT NĐ hay NgĐ? Vấn đề này thường được các tài liệu ngữ pháp tiếng Việt nêu ra ở một phương diện khác: ngữ đoạn đứng sau VT tồn tại là thành phần chức năng gì trong câu: chủ ngữ, trạng ngữ hay bổ ngữ? Việc xác định thành phần này sẽ gián tiếp xác định tư cách cú pháp của VT tồn tại.

(2) VT trong những câu chứa thành phần gọi là “bổ ngữ đảo”/ “khởi ngữ”/ “đề ngữ”/ “từ chủ đề”... là VT NĐ hay NgĐ? Vấn đề này thường được các tài liệu ngữ pháp Việt nêu ra ở một phương diện khác: ngữ đoạn nghi vấn đứng đầu kiểu câu này giữ vai trò gì: thành phần ngoài nòng cốt, thành phần chính (chủ ngữ/ chủ đề) hay là bổ ngữ đảo? Giải quyết vấn đề này cũng sẽ xác định được tư cách cú pháp của VT trong cấu trúc đang xét.

<sup>1</sup> Theo Andreep, trong tiếng Việt cổ cũng có sự đối lập hình thái học giữa hình thái NĐ và NgĐ thể hiện ở một số cặp từ như: *chết – giết, chìm – dìm*.

Dưới đây chúng tôi sẽ lần lượt trình bày giải về các vấn đề trên.

### 2.1. Về tư cách cú pháp của VT trong cấu trúc câu tồn tại

Câu tồn tại đã được nhiều tác giả đề cập tới [x. 2]. Trong phạm vi bài viết này chúng tôi chỉ bàn về vấn đề trật tự từ của các thành phần trong cấu trúc câu tồn tại và đưa ra giải pháp xử lý về tư cách cú pháp của chúng. Các ví dụ dưới đây là những cấu trúc tiêu biểu của câu tồn tại.

- Ví dụ 1. a. *Trên bàn có một lọ hoa.*  
 b. *Ngày xưa có một gia đình nghèo.*  
 c. *Trong túi còn mười ngàn đồng.*

Giải pháp của các nhà Việt ngữ học thường xoay quanh việc giải đáp tư cách cú pháp của ngữ đoạn trước và sau VT (VT in nghiêng đậm). Sự tranh luận thường dẫn đến kết luận: hoặc câu này có chủ ngữ, hoặc câu này không có chủ ngữ. Với những tác giả đồng ý quan niệm câu này có chủ ngữ thì câu hỏi tiếp theo là chủ ngữ là ngữ đoạn đứng trước hay đứng sau những VT đó. Mặc dù hầu hết các tác giả đều không hiển ngôn tư cách cú pháp của VT tồn tại nhưng việc xác định tư cách cú pháp của các thành phần chức năng còn lại trong kiểu câu này đã gián tiếp cho ta thấy cách xử lý tư cách cú pháp của VT trong kiểu câu này. Đồng ý với quan niệm cho rằng câu tồn tại không có Chủ đề (nhưng có Khung đề – một loại Nội đề), thành phần đi sau VT là bổ ngữ, chúng tôi đã xếp *VT tồn tại* là *VT NgĐ* nhưng là *VT NgĐ* kém điển hình.

Để phủ nhận tư cách chủ ngữ của thành phần sau VT chúng ta có thể dùng thủ pháp đảo vị trí. Tính thiếu tự nhiên (nếu không muốn nói là không thể chấp nhận) khi ta chuyển thành phần “chủ ngữ” trở về vị trí “điển hình” (đứng trước VT) như trong ví dụ 2 dưới đây buộc ta phải từ bỏ khả năng xem thành phần này là chủ ngữ. Ngữ đoạn không thể lược bỏ nằm phía sau VT tồn tại, do đó, chỉ có thể giải thích là bổ ngữ trực tiếp mà thôi.

- Ví dụ 2.a. *\*Trên bàn một lọ hoa có.*  
 a'. *\*Một lọ hoa có trên bàn.*  
 b. *\*Ngày xưa một gia đình nọ có.*  
 b'. *\*Một gia đình nọ có ngày xưa.*

## 2.2. Vấn đề thành phần “bỏ ngữ đảo”/ “khởi ngữ”/ “từ bỏ đề” và tư cách cú pháp của VT trong cấu trúc: ngữ đoạn danh từ 1 (N) + ngữ đoạn danh từ 2 (N') + V + (ngữ đoạn danh từ 3) (N'')<sup>2</sup>

Sự tranh luận liên quan đến cấu trúc trên chủ yếu xoay quanh việc xác định tư cách cú pháp của ngữ đoạn *N* (thường được gọi là “bỏ ngữ đảo”, “khởi ngữ”, “khởi ý”, “đảo ngữ”, “từ bỏ đề”, v.v) – thành phần được in đứng trong các ví dụ dưới.

Ví dụ 3. a *Thằng cha Nam hả, tôi đã từ (hắn) rồi.*

b. *Nam Bắc hai miền ta có nhau.*

c. *Sa Pa tôi đến một lần rồi.*

Kiểu thứ nhất (ví dụ 3a), *N* (thành phần in đứng) có quan hệ lỏng với các thành phần còn lại và kiểu thứ hai (ví dụ 3b), *N* chỉ có quan hệ nghĩa với *N'* chứ không có quan hệ nghĩa trực tiếp với *V* (quan hệ phi tham tố). Sự xuất hiện của *N* trong hai kiểu này không ảnh hưởng gì đến tư cách cú pháp của VT trong câu do đó những cấu trúc này sẽ không được bàn thêm. Vấn đề gây tranh cãi nằm ở kiểu thứ ba. Đó là kiểu mà *N* có quan hệ nghĩa trực tiếp với *V* (quan hệ tham tố) và *N*, *N'* không bao giờ có cùng sở chỉ. Vị trí và tư cách cú pháp của thành phần này (in đứng) sẽ ảnh hưởng rất lớn đến tư cách cú pháp của VT trong câu.

*N* trong câu 3c được một số tác giả xem là hiện tượng đảo ngữ (bỏ ngữ của VT trong câu được đảo lên phía trước) hoặc được gọi là thành phần khởi ngữ (đề ngữ) và nó cũng bị xem là thành phần ngoài cấu trúc nòng cốt câu.

Việc xác định *N* là thành phần phụ, là bỏ ngữ của VT NgĐ được đảo lên có vẻ hợp lí. Tuy nhiên, một số nhà Việt ngữ học đã chứng minh việc xem *N* trong các câu ở ví dụ 3c là thành phần phụ nằm ngoài cấu trúc cú pháp cơ bản là không hợp lí vì tính chất bắt buộc của chúng trong cấu trúc (không thể lược bỏ), hơn nữa, việc *N* có các thuộc tính của chủ đề (tương đương với những thuộc tính của

<sup>2</sup> Trong bài viết này chúng tôi sẽ dùng các ký hiệu *N*, *N'*, *N''* để chỉ các (ngữ) danh từ trong câu dựa vào thứ tự xuất hiện một cách nhất quán ([ngữ] danh từ nào xuất hiện trước là *N*, thứ hai là *N'*, thứ ba là *N''*). Điều này nhằm tránh sự hiểu nhầm. Chẳng hạn, khi dùng *N2* để chỉ (ngữ) danh từ xuất hiện đầu tiên trong câu của một kiểu cấu trúc câu nào đó (như cách mà các tác giả Lý Toàn Thắng, Nguyễn Thị Nga [9] đã làm) có thể khiến người đọc cho rằng chúng ta đã ngầm xác định đây là ngữ đoạn phía sau được đảo lên (tức đã ngầm xác định trước tư cách cú pháp của nó).

chủ ngữ trong các ngôn ngữ thiên chủ ngữ)<sup>3</sup>, càng khẳng định việc xem *N* là thành phần đảo (bổ ngữ đảo) và là thành phần phụ ngoài cấu trúc là giải pháp khó có thể chấp nhận. Tư cách cú pháp của *N* trong các câu ở ví dụ 3c, như nhiều nhà Việt ngữ học đã chứng minh, là Đề trong cấu trúc cú pháp [4, 106]. Câu hỏi còn lại là VT trong những câu như vậy thuộc loại nào: NĐ hay NgĐ?

Ví dụ 4. a. *Ngôi nhà này chúng tôi xây trong ba tháng.*

b. *Luật giáo dục quốc hội thông qua từ lâu rồi.*

Xem VT trong các câu trên là VT NĐ dường như khó được chấp nhận. Là những VT hành động có chủ thể mang đặc tính [+ chủ ý] (*chúng tôi, quốc hội*), những VT này được người Việt cảm nhận chưa hoàn chỉnh (cả về ý nghĩa và cú pháp) do đó chúng cần có thêm một ngữ đoạn, tuy nhiên vì những lí do nhất định (được hiểu ngầm, hay do tình huống) ngữ đoạn này không được hiện thực hoá (vắng mặt). Và trên thực tế, không nhà Việt ngữ học nào xem những VT này là VT NĐ.

Theo chúng tôi, những VT kiểu này hoàn toàn có đủ tư cách là những VT NgĐ. Vấn đề cần xác định là bổ ngữ trực tiếp của chúng ở đâu. Câu trả lời ở đây rõ ràng chỉ có thể là: (1) bổ ngữ trực tiếp chính là *N* (tức là ngữ đoạn làm Đề); (2) bổ ngữ trực tiếp đã bị tinh lược (bổ ngữ zero). Giải pháp thứ nhất, theo chúng tôi là không hợp lí. Trên cùng một bình diện, một ngữ đoạn không thể đảm nhiệm hai chức năng ("*một thể hai ngôi*"). Nói cách khác, *N* đã đảm nhận cương vị Đề thì không thể cũng là bổ ngữ trực tiếp "đảo" lên được bởi cả Đề và bổ ngữ trực tiếp đều là những đơn vị cú pháp (cho dù chúng không cùng bậc). Vì lí do này, chúng tôi chọn giải pháp thứ 2: xem bổ ngữ trực tiếp được tinh lược còn *N* là ngữ đoạn đảm nhận vai Đề. Lí do của việc vắng mặt bổ ngữ này là do sở chỉ của nó trùng với sở chỉ của Đề trong cấu trúc cú pháp. Trong việc tổ chức mệnh đề trên bề mặt cú pháp, Đề được ưu tiên nên chúng xuất hiện (nói đúng ra là bắt buộc phải xuất hiện, vì nếu ngữ đoạn làm Đề bị tinh lược đi, chúng ta có sẽ có kiểu câu khác). Xác định tư cách cú pháp đối với các VT trong những câu kiểu ví dụ 3c, ví

<sup>3</sup> Trong Sơ thảo (1991), sau khi khẳng định những thuộc tính quan trọng của Đề: vị trí đầu câu, một vị trí "tự nhiên", phổ biến [4, 90], Cao Xuân Hạo đã chỉ ra những thuộc tính cú pháp cơ bản của Chủ Đề. Đó là: "1. Quyền kiểm định lược bỏ những danh ngữ (kể cả đại từ) đồng sở chỉ trong câu (và đôi khi cả ngoài câu); 2. Quyền kiểm định việc sử dụng đại từ "tự kì" *mình*; và 3. Quyền kiểm định chỉ số số phức *đều*" [4, 106].

dụ 4a, 4b như chúng tôi đã đề nghị với không tạo ra mâu thuẫn giữa cấu trúc cú pháp với cấu trúc nghĩa của VT.

Việc tính lược bỏ ngữ trực tiếp (tức  $N'$ ) trong cấu trúc " $N + N' + V (+N')$ " không chỉ là vấn đề tiết kiệm mà còn là "một biện pháp liên kết các thành phần của câu lại để tạo được mạch lạc trong câu và do đó mà làm nên tính đơn vị, tính nhất thể của câu (...)" [4, 109]. Nếu cần, bỏ ngữ này có thể xuất hiện dưới hình thức một đại từ hồi chỉ ("nó", "chúng", v.v).

3. Tiêu chí trật tự từ trong việc nhận diện phạm trù NĐ/ NgĐ đối với những ngôn ngữ đơn lập như tiếng Việt là rất quan trọng. Việc khẳng định VT trong cấu trúc câu tồn tại và cấu trúc " $N + N' + V (+N')$ " (cấu trúc có "bỏ ngữ đảo") là VT NgĐ không chỉ là cố gắng phản ánh hoạt động cú pháp thực sự của những VT này mà nó còn góp phần chứng minh cho phổ niệm trật tự từ mà các nhà loại hình học đã nêu ra đối với các ngôn ngữ đơn lập. Với tư cách là ngôn ngữ đơn lập tiêu biểu, tiếng Việt rõ ràng đã sử dụng trật tự SVO như là trật tự cơ bản trong việc tổ chức câu (không tính đến những cấu trúc đảo ngữ bởi lí do phong cách, tu từ) ngay cả với những cấu trúc còn gây tranh cãi như hai cấu trúc đã thảo luận trên. Tầm chi phối của trật tự SVO sẽ còn lớn hơn, bao quát hơn nếu ta chứng minh được (hoặc đồng ý với) quan niệm trong tiếng Việt không có câu bị động. Đây cũng là vấn đề mà những người nghiên cứu ngôn ngữ theo hướng loại hình cần tìm hiểu đầu đủ, sâu hơn.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Andrews A.D. (1985), "The Major Functions of the Noun Phrase", Shopen. T (ed.), *Language Typology and Syntactic Discription*, Vol. III: *Grammatical Categories and the Lexicon*, Cambridge University Press, Cambridge, London, New York, New Rochelle, Melbourne, Sydney.
- [2]. Diệp Quang Ban (1998), *Một số vấn đề về câu tồn tại trong tiếng Việt*, Nxb GD, Hà Nội.
- [3]. Comrie B. (1981), *Language Universals and Linguistic Typology*, Oxford, Blackwell.
- [4]. Cao Xuân Hạo (1981), *Tiếng Việt. Sơ thảo ngữ pháp chức năng*, QI, Nxb KHXH, Hà Nội.
- [5]. Hopper P.J., Thompson, S.A. (1980), "Transitivity in Grammar and Discourse", *Language*, Vol. 56, No 2. pp. 251-299.

- [6]. Moravcsik E.A. (1978a), “On the Case Marking of Objects”, J.H. Greenberg (ed.), *Universals of Human Language*, Vol.IV, *Syntax*, pp. 249-91. Sandford University Press.
- [7]. Moravcsik, E.A. (1978b), “Agreement”, J.H. Greenberg (ed.), *Universals of Human Language*, Vol.IV, *Syntax*, pp. 249-91. Sandford University Press.
- [8]. Steele S. (1978), “Word Order Variation: A Typological Study”, J.H. Greenberg (ed.), *Universals of Human Language*, Vol. IV, *Syntax*, Sandford University Press, pp. 249-91.
- [9]. Lý Toàn Thắng, Nguyễn Thị Nga (1982), “Tìm hiểu thêm về loại câu “ $N_2 - N_1 - V$ ”, *Ngôn ngữ*, số 1, Hà Nội, tr. 21-29.
- [10]. Nguyễn Minh Thuyết, Nguyễn Văn Hiệp (1998), *Thành phần câu tiếng Việt*, Nxb KHXH, Hà Nội.

### Tóm tắt:

#### Trật tự từ và việc nhận diện một số cấu trúc ngoại động trong tiếng Việt

Phạm trù nội/ ngoại động trong tiếng Việt, một trong những ngôn ngữ đơn lập điển hình, có thể được nhận diện bởi: (i) trật tự từ; (ii) một số tiểu từ đặc biệt. Về trật tự từ, có hai cấu trúc cần quan tâm:

- (1) Cấu trúc tồn tại.
- (2) Cấu trúc “ $N + N' + V (+N'')$ ”.

Vị từ trong những cấu trúc như vậy có tư cách cú pháp là các vị từ ngoại động. Điều này cũng chứng minh thêm cho một phổ quát ngôn ngữ: Trật tự cơ bản trong các ngôn ngữ đơn lập là SVO.

### Abstract:

#### Word order and the recognition of some structures of transitive verbs in Vietnamese

Transitive category in Vietnamese, one of the most typical isolating languages, can be recognized by: (i) word order ; (ii) particular particles. As for word order, there are two structures which should be considered:

- (1) Existential structure.
- (2) “ $N + N' + V (+ N'')$ ” structure.

Verbs in such structures behave as transitive ones. This also supports a linguistic universe : The basic word order in isolating languages is SVO.